

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 185/2026/HS-ST

Ngày: 19 – 8 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Dương

2. Bà Lê Thị Dinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Thanh Viễn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 181/2026/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Bùi Tiểu A, sinh ngày 29/8/1998; Nơi cư trú: Thôn B (nay là thôn B), xã T, tỉnh Hưng Yên; Căn cước: 034098001252; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Bá L và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị Thu P (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 25/5/2026 đến ngày 31/5/2026 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T - Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H. (có mặt)

- *Người chứng kiến:*

+ Ông Bùi Xuân S, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Lê Hợp D, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/5/2026, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Bùi Tiểu A đi bộ từ nhà ra khu vực QL37B thuộc thôn B, xã T và đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết đến khu vực Bệnh viện Đ, tỉnh Hưng Yên mục đích để tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khi đến cổng Bệnh viện Đ, Bùi Tiểu A xuống xe đi bộ đến khu vực cổng phụ của bệnh viện. Tại đây Tiểu A hỏi và mua được 01 (một) gói ma túy đá với giá 500.000 nghìn đồng của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, mặc áo chống nắng tối màu, đeo khẩu trang, dáng người nhỏ, Tiểu A không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đàn ông này. Mua xong, Tiểu A cất túi ma túy mua được vào túi áo khoác bên phải và đi bộ dọc theo đường N đến Bệnh viện Đ thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng cửa khẩu C1 – Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh H dừng lại kiểm tra. Trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và người chứng kiến là ông Bùi Xuân S và ông Lê Hợp D, Tiểu A đã tự nguyện giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon trong suốt, một mép gờ cài, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt. Tiểu A khai nhận đó là túi ma túy loại Methamphetamine mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành niêm phong vật chứng, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và làm các thủ tục theo quy định.

Cùng ngày Đồn Biên phòng cửa khẩu C1 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Tiểu A tại thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên nhưng không thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 1531/KL-KTHS ngày 28/05/2026 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3831 gam.

Bản Cáo trạng số 135/CT-VKS-KV7 ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên để xét xử đối với Bùi Tiểu A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Tiểu A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Tiểu A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Tiểu A mức án từ 03 năm 03 tháng

đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì bên ngoài ghi số 1531/KL-KTHS.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Bùi Tiểu A nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Tiểu A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 40 phút, ngày 25/5/2026, tại khu vực Bệnh viện Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên, Bùi Tiểu A có hành vi tàng trữ trái phép 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3831 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

c) *Heroine, C, M, A1, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

...

Hành vi của Bùi Tiểu A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, ma túy là loại chất gây nghiện gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, là nguyên nhân phá hoại hạnh phúc của bao gia đình và còn phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố đối với bị cáo Bùi Tiểu A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có tài sản, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số ma túy thu giữ của bị cáo Bùi Tiểu A còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Bùi Tiểu A khai mua ma túy của 01 người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực Bệnh viện Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Tiểu A phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Tiểu A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 25/5/2026).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,2816 gam ma túy, loại Methamphetamine và toàn bộ bao gói quản lý của Bùi Tiểu A trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định, bên ngoài ghi số 1531/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh H.

(Vật chứng đã được chuyển đến Kho vật chứng và đồ vật tài liệu thuộc Phân trại tạm giam Tiền Hải thuộc Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H theo Phiếu nhập kho vật chứng số 41/PNK ngày 02/6/2026).

4. Về án phí: Bị cáo Bùi Tiểu A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phân trại tạm giam Tiền Hải;
- Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 7, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý

